

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 43/2018/HS-ST
Ngày 06-6-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH D

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô.
2. Ông Lê Quốc Quân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Tấn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2018/HSST ngày 26 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Lê Đình C, sinh năm 1975, tại HT; nơi cư trú: Khu phố ĐT, phường TĐH, thị xã DA, tỉnh Bình D; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình T và bà Nguyễn Thị H; có vợ Bùi Thị H và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2017 đến ngày 20/12/2018, hủy bỏ biện pháp tạm giam và áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; có mặt.

2. Nguyễn Văn D, sinh năm 1990, tại BP; nơi cư trú: Ấp PM, xã TH, huyện HQ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Bạch Long H có vợ Nguyễn Hoàng Lê Thị Ngọc Ng và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2017 đến ngày 20/01/2018 hủy bỏ biện pháp tạm giam và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Nguyễn Bá T, sinh năm 1988, tại BG; nơi cư trú: Thôn ĐV, xã LC, huyện TY, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hoá: 11/12; dân

tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Bá M và bà Lưu Thị H; có vợ Lê Thị T và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 27/9/2007, bị Tòa án nhân dân huyện TY, tỉnh Bắc Giang xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 41/2007/HSST, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 24/3/2008, chấp hành án phí hình sự sơ thẩm vào ngày 28/11/2007; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2017 đến ngày 20/01/2018 hủy bỏ biện pháp tạm giam và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Nguyễn Thanh S, sinh năm 1983, tại Bình D; nơi cư trú: Khu phố BC, phường KB, thị xã TU, tỉnh Bình D; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh D và bà Phạm Thị Ph; có vợ Đoàn Thị X và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2017 đến ngày 20/01/2018 hủy bỏ biện pháp tạm giam và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Bao Văn H, sinh năm 1979, tại Bình D; nơi cư trú: Khu phố BPA, phường BC, thị xã TA, tỉnh Bình D; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bao Văn H và bà Phạm Thị X; có vợ Kiều Nguyên Hạnh A và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; có mặt.

Người làm chứng: Ông Phạm P và bà Bùi Thị K; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Đình C, Nguyễn Văn D, Nguyễn Bá T, Nguyễn Thanh S, Bao Văn H có mối quan hệ bạn bè quen biết nhau. C là công nhân của Công ty Cổ Phần TAP thuộc phường AT, thị xã TA, tỉnh Bình D, C có nhiệm vụ sắp xếp xe chở hàng lên xuống sà lan tại Cảng TAP thuộc phường KB, thị xã TU, tỉnh Bình D. T, H và D là tài xế chở hàng hóa tại Cảng TAP. Nhà của S gần Cảng TAP nên S thường đến khu vực này để chơi, do vậy quen biết với C, D, T và H.

Khoảng 16 giờ 00 phút, ngày 21/11/2017, C từ văn phòng của Cảng TAP đến khu vực bãi đậu xe để sắp xếp xe chở hàng xuống sà lan. Khi đến khu vực bãi đậu xe tại cảng, C nhìn thấy 02 người đàn ông (Không rõ nhân thân lai lịch). C trò chuyện với 02 người đàn ông này. Trong lúc trò chuyện thì 01 trong 02 người đàn ông rủ C chơi đánh bạc thắng thua bằng tiền với hình thức chơi xóc đĩa, thì C đồng ý. Sau đó, người đàn ông này bỏ đi lấy một bộ dụng cụ chơi xóc đĩa gồm: 04 mẫu giấy hình tròn có đường kính khoảng 2,5 cm; 01 cái chén bằng sứ, 01 cái đĩa bằng sứ và 01 tấm giấy bạc kích thước 1,2 x 2 m. Người đàn ông này làm cái cho C và người đàn ông còn lại và C đặt tiền, mỗi ván từ 10.000 đồng đến khoảng 20.000 đồng. Khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày, T đi ngang qua khu vực bãi xe nhìn thấy C và hai người đàn ông đang chơi xóc đĩa nên cùng vào tham gia. Lúc này, T làm cái mỗi ván đặt từ 100.000 đồng đến 200.000

đồng. T làm cái được khoảng 4 đến 5 ván thì không làm cái nữa mà chuyển sang cho C làm cái. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, H đến khu vực bãi xe nhìn thấy C làm cái để cho 02 người đàn ông không rõ lai lịch và T đặt tiền nên cùng tham gia. H dùng số tiền 100.000 đồng để đặt 01 ván nhưng bị thua nên ngồi gần vị trí đánh bạc xem đánh bạc và bấm điện thoại. Cùng thời điểm này, bà Bùi Thị K là vợ của C đến kêu C về nhà nhưng C không đồng ý nên ngồi xuống gần vị trí C để xem đánh bạc. Khoảng 23 giờ cùng ngày, D đến nhìn thấy C, 02 người đàn ông và T đang đánh bạc nên cũng vào tham gia. Khoảng 23 giờ 10 phút cùng ngày, S đến Cảng TAP để chơi nên nhìn thấy C, T, 02 người đàn ông và D đang đánh bạc nên S vào tham gia chơi.

Đến khoảng 23 giờ 30 cùng ngày, lực lượng Công an KB tuần tra, phát hiện C, D, T và S đang tham gia đánh bạc nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ tại vị trí đánh bạc với tổng số tiền là 9.500.000 đồng; số tiền rải rác gần khu vực đánh bạc là 13.300.000 đồng, 04 mẫu giấy hình tròn có đường kính khoảng 2,5 cm; 01 cái chén bằng sứ, 01 cái đĩa bằng sứ và 01 tấm giấy bạc kích thước 1,2 x 2 m; riêng 02 người đàn ông không rõ lai lịch bỏ chạy. Đồng thời, tạm giữ đồ vật tài sản có liên quan gồm: 01 (Một) chứng minh nhân dân mang tên Bao Văn H; 01 xe mô tô biển số 61F1-169.48 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 61F1-169.48; 01 điện thoại SamSung S7 màu đen; số tiền 95.000 đồng; 01 điện thoại Nokia 105 màu đen; 01 xe mô tô biển số 61U1-6764; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu bạc; 01 điện thoại Nokia 105 màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Oppo A37 màu vàng đồng; 01 xe mô tô biển số 93C1-008.15; 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu trắng và số tiền 100.000 đồng.

Công an phường KB chuyển hồ sơ cùng vật chứng và các tài sản, đồ vật có liên quan đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên thụ lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận như sau:

- Lê Đình C khai: Mang theo số tiền 5.200.000 đồng và sử dụng 5.200.000 đồng để tham gia đánh bạc. Khi bắt quả tang, C thua 300.000 đồng. Số tiền còn lại thu giữ tại vị trí đánh bạc là 4.900.000 đồng.

- Nguyễn Văn D khai: Mang theo số tiền 2.000.000 đồng và sử dụng 2.000.000 đồng để tham gia đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, D thua 1.000.000 đồng. Số tiền còn lại thu giữ trên tay là 1.000.000 đồng.

- Nguyễn Bá T khai: Mang theo số tiền 3.400.000 đồng và sử dụng 3.400.000 đồng để tham gia đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, T thua 600.000 đồng. Số tiền còn lại thu giữ tại vị trí đánh bạc là 2.800.000 đồng.

- Nguyễn Thanh S khai: Mang theo số tiền 600.000 đồng và sử dụng 600.000 đồng để tham gia đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, S thắng 200.000 đồng. Số tiền còn lại thu giữ tại vị trí đánh bạc là 800.000 đồng.

- Bao Văn H khai: Mang theo số tiền 195.000 đồng và sử dụng 100.000 đồng để tham gia đánh bạc. H thua 100.000 đồng, số tiền còn lại không dùng vào việc đánh bạc thu giữ tại túi quần là 95.000 đồng.

Cáo trạng số 36/CT-VKSTU ngày 23/4/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên truy tố bị cáo Lê Đình C, Nguyễn Văn D, Nguyễn Bá T, Nguyễn Thanh S và Bao Văn H về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo và có sự thay đổi về số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc. Cụ thể, theo Cáo trạng xác định số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 9.500.000 đồng. Tuy nhiên, qua quá trình xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa có căn cứ xác định số tiền 13.400.000 đồng thu giữ ngoài chiếu bạc là số tiền của 02 đồng phạm (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) bỏ chạy nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm về số tiền đánh bạc này. Do vậy, tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 22.900.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009:

- Xử phạt bị cáo Lê Đình C mức hình phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Thanh S, Bao Văn H mỗi bị cáo mức hình phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo Nguyễn Bá T mức hình phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy 01 đĩa băng sứ, màu trắng; 01 chén bằng sứ, màu trắng; 01 tấm giấy bạc kích thước 1,2 x 2 m; 04 mẫu giấy hình tròn, mỗi mẫu giấy có một mặt màu trắng, một mặt màu xanh;

- Trả lại cho bị cáo H 01 điện thoại SamSung S7, màu đen, số Imei: 352810/015230/3 và số tiền 95.000 đồng; bị cáo T 01 điện thoại Nokia 105 màu đen, số Emei 354898081225707; bị cáo C 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S, màu trắng, model APA-A1688, không có số Imei; bị cáo S 01 điện thoại Nokia 105 màu đen, số Imei 358347/05/381293/2 và 01 chứng minh nhân dân mang tên bị cáo S; bị cáo D 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu vàng đồng, không có số Imei.

- Trả lại cho bà Bùi Thị K 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu trắng, số Imei 863442033842279.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố đối với các bị cáo.

Bị cáo C và D không nói lời sau cùng. Các bị cáo T, S, H nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt phù hợp cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc, theo biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 21/11/2017 thì số tiền thu giữ tại chiếu là 9.500.000 đồng và thu giữ của các các bạc vớt rải rác tại chiếu bạc là 13.300.000 đồng và thu giữ của bà K số tiền 100.000 đồng. Trong quá trình điều tra, các bị cáo khai không biết số tiền 13.300.000 đồng là của ai, bà Hoa xác định số tiền thu giữ không pH của bà K, các bị cáo thừa nhận số tiền các bị cáo dùng đánh bạc là 9.500.000 đồng. Xét thấy, các bị cáo, người làm chứng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đều xác định khi đánh bạc, tại chiếu bạc từ khi đánh đến khi bị lực lượng Công an phường Khánh Bình bắt quả tang không có người xem đánh bạc mà chỉ gồm 07 người đánh bạc và bà K ngồi xem đánh bạc, khi Công an phường Khánh Bình bắt quả tang thì có 02 người đánh bạc bỏ chạy. Như vậy, số tiền thu ngoài chiếu có căn cứ xác định là của 02 đồng phạm bỏ chạy vớt lại vì trước đó không có số tiền này và tại phiên tòa các bị cáo đều xác định số tiền bỏ tại chiếu bạc là của 02 đồng phạm vớt lại, điều này phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang mà các bị cáo đã ký xác nhận nên các bị cáo pH chịu trách nhiệm về số tiền đánh bạc trên. Do vậy, đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa xác định số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 22.900.000 đồng là có căn cứ.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản hỏi cung bị can cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 22/11/2017, tại phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên, Bình D, các bị cáo Lê Đình C, Nguyễn Văn D, Nguyễn Bá T, Nguyễn Thanh S và Bao Văn H có hành vi đánh bạc dưới hình thức chơi xóc đĩa thắng thua bằng tiền với tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 22.900.000 (Hai mươi hai triệu chín trăm nghìn) đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo Lê Đình C, Nguyễn Văn D, Nguyễn Bá T, Nguyễn Thanh S và Bao Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy

định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Các bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng tại địa phương nơi các bị cáo gây án. Các bị cáo đều nhận thức được Nhà nước ta nghiêm cấm việc đánh bạc trái phép dưới mọi hình thức nhưng vì động cơ tư lợi mà các bị cáo đã phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, để có tác dụng giáo dục các bị cáo ý thức tuân theo pháp luật, đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm chung trong xã hội, đối với các bị cáo cần có mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà mỗi bị cáo đã thực hiện. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét toàn diện về nhân thân, vai trò, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

[5] Về nhân thân: Các bị cáo C, D, S và H có nhân thân tốt, bị cáo Thế có nhân thân xấu.

[6] Vai trò: Trong vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn. Số tiền bị cáo C sử dụng đánh bạc nhiều nhất so với các bị cáo còn lại trong vụ án. Các bị cáo T, D, S, H trực tiếp tham gia đánh bạc trong đó bị cáo T có nhân thân xấu và sử dụng số tiền đánh bạc nhiều hơn các bị cáo D, S, H. Bị cáo S và H sử dụng số tiền đánh bạc ít nhất và trong quá trình chơi không làm cái. Do đó tính nguy hiểm của bị cáo C và Thế là cao nhất, sau đó lần lượt đến bị cáo D, S, H. Vì vậy, khi quyết định hình phạt cũng cần cân nhắc vai trò, tính nguy hiểm của từng bị cáo cho phù hợp.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo C, D, S, H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo C, D, S và H; áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T khi quyết định hình phạt.

[9] Mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên đề nghị đối với các cáo là phù hợp với tính chất và hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện.

[10] Đối với 02 đối tượng đánh bạc bỏ chạy, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên tiếp tục điều tra, làm rõ và xử lý sau là phù hợp.

[11] Đối với bà Bùi Thị K là vợ của bị cáo C đến xem đánh bạc, không có tham gia đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên không xem xét xử lý, là phù hợp.

[10] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

[10.1] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp. Cụ thể, đối với số tiền 22.9000.000 đồng, trong đó tiền thu giữ tại chiếu bạc 9.500.000 đồng và ngoài chiếu các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 13.400.000 đồng, đây là số tiền các bị sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; 01 đĩa sứ bằng sứ, màu trắng; 01 chén bằng sứ, màu trắng; 01 tấm giấy bạc kích thước 1,2 x 2 m mẫu giấy hình tròn, mỗi mẫu giấy có một mặt màu trắng, một mặt màu xanh là công cụ các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy; 01 điện thoại SamSung S7, màu đen, số Imei: 352810/015230/3 và số tiền 95.000 đồng của bị cáo H, 01 điện thoại Nokia 105 màu đen, số Emei 354898081225707 của bị cáo T, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S, màu trắng, model APA-A1688, không có số Imei của bị cáo C, 01 điện Nokia 105 màu đen và 01 chứng minh nhân dân mang tên bị cáo S của bị cáo S, 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu vàng đồng của bị cáo D, 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu trắng của bà K là các tài sản và giấy tờ tùy thân của các bị cáo và người làm chứng không liên quan đến hành vi phạm tội nên giao trả lại cho các bị cáo và người làm chứng.

[10.2] Xe mô tô nhãn hiệu Attila, màu đen xám, biển số 61U1-6764, số khung 002092, số máy 002092. Kết quả điều tra xác định xe mô tô trên do bà Đỗ Thiên Ng đứng tên đăng ký sở hữu. Bà Ng bán cho Q (không rõ nhân thân lai lịch), việc mua bán không làm thủ tục sang tên theo quy định. Xe mô tô trên do bị cáo Nguyễn Bá T mua của người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch) vào tháng 7/2017. Kết quả tra cứu xe không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Ngày 20/3/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 46 trả lại xe mô tô trên cho bị cáo Nguyễn Bá T, là phù hợp.

[10.3] Xe mô tô nhãn hiệu Brand, màu vàng, biển số 93C1-008.15, số khung JF45E-0012730, số máy JF4500DY008965. Kết quả điều tra xác định xe mô tô trên do bà Lê Thị Mỹ L đứng tên đăng ký sở hữu. Bà L bán xe này cho một người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch), việc mua bán không làm thủ tục sang tên theo quy định. Xe mô tô trên do Bùi Thị K mua của một người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch) vào khoảng tháng 9/2017. Kết quả tra cứu xe không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Ngày 30/01/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 31 trả lại xe mô tô trên cùng giấy chứng nhận đăng ký xe cho bà Bùi Thị K, là phù hợp.

[10.4] Xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave S, màu đen xám, biển số 61F1-169.48, số khung Y824649, số máy 6642842. Kết quả điều tra xác định xe mô tô trên do bà Kiều Nguyên Hạnh A đứng tên ký sở hữu. Bà A là vợ của bị cáo Bao Văn H. Ngày 28/02/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 45 trả lại xe mô tô trên cho bà A, là phù hợp.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Lê Đình C, Nguyễn Văn D, Nguyễn Bá T, Nguyễn Thanh S và Bao Văn H phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

2.1 Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009:

- Xử phạt bị cáo Lê Đình C số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D số tiền 15.000.0000 (Mười lăm triệu) đồng.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S số tiền 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng.
- Xử phạt bị cáo Bao Văn H số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

2.2 Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá T số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 22.900.000 đồng (Hai mươi hai triệu chín trăm nghìn) đồng.
- Tịch thu tiêu hủy 01 đĩa bằng sứ, màu trắng; 01 chén bằng sứ, màu trắng; 01 tấm giấy bạc kích thước 1,2 x 2 m và 04 mẫu giấy hình tròn, mỗi mẫu giấy có một mặt màu trắng, một mặt màu xanh;
- Trả lại cho bị cáo H 01 điện thoại SamSung S7, màu đen, số Imei: 352810/015230/3 và số tiền 95.000 đồng; bị cáo T 01 điện thoại Nokia 105 màu đen, số Emei 354898081225707; bị cáo C 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S, màu trắng, model APA-A1688, không có số Imei; bị cáo S 01 điện thoại Nokia 105 màu đen, số Imei 358347/05/381293/2 và 01 chứng minh nhân dân mang tên bị cáo S; bị cáo D 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu vàng đồng, không có số Imei.
- Trả lại cho bà Bùi Thị K 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu trắng, số Imei 863442033842279.

(Thể hiện tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 24/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình D).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Lê Đình C, Nguyễn Văn D, Nguyễn Bá T, Nguyễn Thanh S và Bao Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- PV27, Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Công an thị xã Tân Uyên;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mộng Tuyết

